

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 03/HONECO/2025



I. Thông tin về tổ chức, cá nhân công bố sản phẩm

- Tên tổ chức, cá nhân:
- CÔNG TY CỔ PHẦN ONG TAM ĐẢO (VIỆT NAM):
- Địa chỉ: Thôn Hương Lộc, Xã Xuân Lăng, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam
- Điện thoại: 0211. 3871. 369
- Mã số doanh nghiệp: 2500214564
- Số 31/2023/ATTP-CNGMP cấp ngày 05/05/2023; Nơi cấp: Bộ Y Tế cục an toàn thực phẩm.
- Chứng nhận FSSC22000 V6 số VN21/00094 cấp ngày 29/04/2025; Nơi cấp: Công ty TNHH SGS Vương Quốc Anh

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: MÚT GỪNG NHÀ ONG (Nhiều hương vị)

- Mút gừng nhà ong – Nguyên vị
- Mút gừng nhà ong – Vị chanh
- Mút gừng nhà ong - Vị quất
- Mút gừng nhà ong – Vị chanh leo
- Mút gừng nhà ong – Vị Curcumin
- Mút gừng nhà ong – Vị cam

2. Thành phần :

- Mút gừng nhà ong (nguyên vị):

+ Gừng tươi : 60 %

+ Mật ong: 40 %

- Mút gừng nhà ong (nhiều hương vị):

+ Gừng tươi : 60%

+ Mật ong: 37%

+ Thành phần bổ sung theo từng vị: 3%

3. Thành phần bổ sung theo từng vị (nếu có):

- Vị chanh: Thêm nước cốt chanh tươi 3 %
- Vị quất: Thêm nước cốt quất tươi 3 %
- Vị chanh leo: Thêm dịch cốt chanh leo 3%
- Vị nghệ: Thêm bột Curcumin 3%
- Vị cam: Thêm nước cốt cam tươi 3%

4. Thành phần dinh dưỡng trong 100g sản phẩm:



STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Năng lượng (Energy)	kcal/100g	171.52 ± 20%
2	Chất đạm(Protein)	g	6.57 ± 20%
3	Carbohydrat(Carbohydrate)	g	36.31 ± 20%
4	Chất béo(Total Fat)	g	0 ± 20%
5	Natri(Sodium)	mg/100g	179.88 ± 20%

5. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 12 tháng kể từ ngày sản xuất (Ngày sản xuất và hạn sử dụng in trên nhãn sản phẩm)

6. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đóng trong hũ thủy tinh, hũ nhựa hoặc túi màng nhôm, bao bì PET/PE, túi zip giấy Kraft đạt chất lượng theo:
- + QCVN 12-1:2011/BYT : Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ tiếp xúc trực tiếp với sản phẩm bằng nhựa tổng hợp.
- + QCVN 12-4:2015/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ bằng thủy tinh, gốm sứ và tráng men tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm.
- Quy cách đóng gói: Đảm bảo theo Thông tư số 21/2014/TT-BKHCN Quy định về đo lường đối với hàng hóa đóng gói sẵn.
- + Khối lượng tịnh: 50g, 100g, 150g, 200g, 250g, 300g, 350g, 400g, 500g, 600g, 700g, 850g, 1000g...hoặc các quy cách khác theo yêu cầu khách hàng và được thể hiện rõ trên nhãn hàng hóa.
- Sử dụng thùng carton để đựng sản phẩm và vận chuyển.

III. Mẫu nhãn sản phẩm dự kiến (Nội dung đính kèm hồ sơ)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

- Thông tư 29/2023/TT-BYT: Thông tư hướng dẫn nội dung, cách ghi thành phần dinh dưỡng, giá trị dinh dưỡng trên nhãn sản phẩm.
- QCVN 8-2:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.
- Theo bản tiêu chuẩn số **01/2025/TCCS-HONECO**

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Phú Thọ, ngày 16 tháng 12 năm 2025

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)



TRƯỞNG GIÁM ĐỐC
Lê Thị Nga

Công ty Cổ phần Ong Tam Đảo

BẢN TIÊU CHUẨN SẢN PHẨM

Số: 01/2025/TCCS-HONECO

1. Sản phẩm: MÚT GỪNG NHÀ ONG

2. Sản xuất tại:

- Công ty Cổ phần Ong Tam Đảo
- Địa chỉ: Thôn Hường Lộc, Xã Xuân Lãng, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

3. Trạng thái sản phẩm:

- Mút mềm dẻo, dạng miếng/sợi tùy thực tế.

4. Thành phần:

- Mút gừng nhà ong (nguyên vị):

- + Gừng tươi : 60 %
- + Mật ong: 40 %

- Mút gừng nhà ong (nhiều hương vị):

- + Gừng tươi : 60%
- + Mật ong: 37%
- + Thành phần bổ sung theo từng vị: 3%

5. Các yêu cầu về an toàn thực phẩm:

- Chỉ tiêu cảm quan theo tiêu chuẩn cơ sở của nhà sản xuất:

STT	Tên chỉ tiêu	Yêu cầu
1	Cấu trúc	Mềm, dẻo
2	Màu sắc	Màu vàng đến nâu sậm
3	Mùi vị	Mùi thơm đặc trưng của gừng, vị ngọt, cay nhẹ của gừng

- Thông tư 29/2023/TT-BYT: Thông tư hướng dẫn nội dung, cách ghi thành phần dinh dưỡng, giá trị dinh dưỡng trên nhãn sản phẩm.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Năng lượng (Energy)	Kcal/100g	171.52 ± 20%
2	Chất đạm(Protein)	g	6.57 ± 20%
3	Carbohydrat(Carbohydrate)	g	36.31 ± 20%
4	Chất béo(Total Fat)	g	0
5	Natri(Sodium)	mg/100g	179.88 ± 20%



- Tham khảo theo QCVN 8-2:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Arsen (As)	mg/kg	1,0
2	Cadmi (Cd)	mg/kg	1,0
3	Chì (Pb)	mg/kg	2,0
4	Thủy ngân (Hg)	mg/kg	0,05

- Tham khảo theo: QCVN 8-3:2012/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm.

- Quyết định 46/2007/QĐ-BYT Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm.

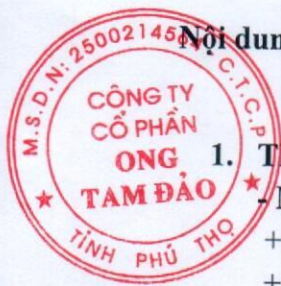
STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/g	$\leq 10^4$
2	Tổng số nấm men, nấm mốc	CFU/g	$\leq 10^2$
3	E.coli	CFU/g	≤ 10
4	Salmonella.spp	/25g	KPH/25g

Phú Thọ, ngày 16 tháng 12 năm 2025
ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
 (Ký tên, đóng dấu)



TỔNG GIÁM ĐỐC
Lê Thị Nga





Nội dung ghi nhãn

MỨT GỪNG NHÀ ONG

1. Thành phần:

- Mứt gừng nhà ong (nguyên vị):

+ Gừng tươi : 60 %

+ Mật ong: 40 %

- Mứt gừng nhà ong (nhiều hương vị):

+ Gừng tươi : 60%

+ Mật ong: 37%

+ Thành phần bổ sung theo từng vị: 3%

2. Giá trị dinh dưỡng trung bình trong 100 gam sản phẩm:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Năng lượng (Energy)	kcal/100g	171.52 ± 20%
2	Chất đạm(Protein)	g	6.57 ± 20%
3	Carbohydrat(Carbohydrate)	g	36.31 ± 20%
4	Chất béo(Total Fat)	g	0
5	Natri(Sodium)	mg/100g	179.88 ± 20%

3. Hướng dẫn sử dụng

- Ăn trực tiếp
- Dùng làm topping cho bánh, chè, sữa chua hoặc dùng pha trà uống.

4. Hướng dẫn bảo quản

- Để nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.
- Đậy kín nắp, túi sau khi mở ra sử dụng.

5. Thông tin cảnh báo:

- Không sử dụng sản phẩm khi hết hạn sử dụng hoặc có màu, mùi , vị lạ.

6. Khối lượng tịnh:

7. Ngày sản xuất: Xem trên bao bì

Hạn sử dụng: 12 tháng kể từ ngày sản xuất

8. Số tự công bố: 03/HONECO/2025

9. Sản xuất và đóng gói tại: Công Ty Cổ Phần Ong Tam Đảo đạt chuẩn GMP và FSSC 22000 quốc tế:

- Địa chỉ: Thôn Hường Lộc, Xã Xuân Lãng, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam
- ĐT: (84)2113.871369 – 0968.969699
- Email: ongtamdao@honeco.com Website: www.honeco.com

10. Xuất xứ: Việt Nam

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM / Certificate of Analysis

Xuất bản / ref.: PPT25x032101-b5BIAOC - Ngày / Date: 11/11/2025



STT / No.	Phép thử / Tests	Kết quả / Test result	Đơn vị / Unit	Phương pháp / Protocol	Phạm vi công nhận / Accreditation scope
1.	Natri (Na)	179,88	mg/100g	HDPP392-KN (Ref: SMEWW 3111B: 2017, TCVN 9556-2:2013, TCVN 10916: 2015, TCVN 1537:2007)	IRDOP
2.	Protein	6,57	g/100g	TCVN 8125: 2015	IRDOP VS
3.	Thủy Ngân (Hg)	KPH (LOD: 0,004)	ppm	TCVN 7993:2009	IRDOP VS
4.	Chì (Pb)	0,03	ppm	TCVN 8126:2009	IRDOP VS
5.	Cadmi (Cd)	KPH (LOD: 0,0005)	ppm	TCVN 8126:2009	IRDOP
6.	Salmonella	KPH (eLOD ₅₀ :5)	/25g	TCVN 10780-1:2017	IRDOP VS
7.	Staphylococcus aureus	KPH (LOD:10)	CFU/g	TCVN 4830-1:2005	IRDOP VS
8.	Asen (As)	KPH (LOD: 0,007)	ppm	TCVN 7770:2007	IRDOP VS
9.	Tổng số nấm men, nấm mốc	KPH (LOD:10)	CFU/g	TCVN 8275-2:2010	IRDOP VS
10.	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	KPH (LOD:10)	CFU/g	TCVN 4884-1:2015	IRDOP VS
11.	Năng lượng	171,52	kcal/100g	HDPP213-KN	IRDOP
12.	Hàm lượng Carbohydrate	36,31	g/100g	10 TCN 514:2002	IRDOP VS
13.	Hàm lượng chất béo tổng số (Lipid)	0,0	g/100g	TCVN 8136:2009	IRDOP
14.	Coliforms	KPH (LOD:10)	CFU/g	TCVN 6848:2007	IRDOP VS

KT. VIÊN TRƯỞNG
PHÓ VIÊN TRƯỞNG / Vice President



Nguyễn Bá Xuân Trường

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

/ Certificate of Analysis



Xuất bản / ref.: PPT25x032101-b5BIAOC Ngày / Date: 11/11/2025

Nơi / người gửi mẫu / Customer information

CÔNG TY CỔ PHẦN ONG TAM ĐẢO

Thôn Hưởng Lộc, Xã Xuân Lăng, Phú Thọ, Việt Nam.

Thông tin mẫu thử nghiệm / Sample information:

SP25x0321-01

Tên mẫu(*) : Mứt gừng nhà ong

Ngày tiếp nhận / receipt date.: 3/11/2025

Thời gian lưu mẫu / Storage time: Không có mẫu lưu

Ngày thử nghiệm / test date.: 3/11/2025 - 11/11/2025

Mô tả / desc.: Mẫu đóng trong lọ, trên lọ ghi tên mẫu

*- Xem kết quả ở trang tiếp theo / See the results on the following page -***Ghi chú / Note:**

KPH: Không phát hiện / Not detected.

LOD: Giới hạn phát hiện / Limit of detection.

LOQ: Giới hạn định lượng / Limit of quantification.

IRDOP: Chỉ tiêu được thực hiện tại IRDOP / Parameters conducted by IRDOP.

EX: Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ / Parameters conducted by subcontractors.

VS: Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 / Accredited per ISO/IEC 17025:2017.

TĐC: Chỉ tiêu được công nhận đánh giá sự phù hợp theo ND 107/2016/ND-CP / Accredited per Decree 107/2016/ND-CP.

Thông tin mẫu thử nghiệm do khách hàng cung cấp / Sample information provided by the customer.

Kết quả chỉ có giá trị với mẫu thử / The results are only valid for the tested sample(s).

